**MẪU PHIẾU HỒ SƠ PHƯƠNG TIỆN***(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Mẫu số 01. Phiếu hồ sơ phương tiện xe cơ giới**

**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)**

**Số quản lý (1): ………………..**

**PHIẾU HỒ SƠ PHƯƠNG TIỆN XE CƠ GIỚI
THÔNG TIN CHUNG**

Chủ xe:

Địa chỉ:

Biển số:                                              Ngày đăng ký:

Tình trạng PT:                                    Cải tạo:

Nhóm phương tiện:                               Loại phương tiện:

Nhãn hiệu:                                             Tên thương mại:

Mã kiểu loại:                                           Mã số VIN (2):

Số khung:                                               Vị trí(3):

Số động cơ:                                            Vị trí(3):

Năm, nước sản xuất:                              Niên hạn:

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: □

Cho phép tự động hóa:                               Một phần □ / Toàn phần □

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CƠ GIỚI**

**Thông số kích thước, khối lượng cơ bản**

Kích thước bao (DxRxC) (mm):

Kích thước lòng/bao thùng xe/ bao ngoài xi téc (mm) :

|  |  |
| --- | --- |
| Công thức bánh xe: | Vết bánh xe trước/sau (mm): |
| Khoảng cách trục (mm): | Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái) |
| Khối lượng bản thân (kg): | Khối lượng kéo theo thiết kế/cho phép lớn nhất (kg):         /         |

Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế/cho phép lớn nhất (kg):

Khối lượng toàn bộ theo thiết kế/cho phép lớn nhất (kg):

**Động cơ đốt trong**

Ký hiệu:                                            Loại động cơ:

Loại nhiên liệu:                                 Thể tích làm việc (cm³):

Xe hybrid(4)                □ Có sạc ngoài / □ Không có sạc ngoài

Công suất lớn nhất/ tốc độ quay (kW/rpm):

Mô men xoắn lớn nhất/Tốc độ quay (N.m/rpm):

**Động cơ điện**

|  |
| --- |
| Loại ắc quy/điện áp-dung lượng (V-kWh): |
| TT | Ký hiệu ĐC | Loại ĐC | Công suất lớn nhất |
| 1 |   |   |   |
| 2 |   |   |   |
| 3 |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hệ thống truyền lực** |   |
| Kiểu ly hợp: |   | Dẫn động ly hợp: |   |
| Kiểu hộp số chính: | Số cấp tiến: | Hộp số phụ: | Số cấp tiến: |
| Trục dẫn hướng: |   | Trục chủ động: |   |
| **Hệ thống lái** |   |   |   |
| Kiểu cơ cấu lái: |   | Kiểu dẫn động: |   |
| **Hệ thống phanh** |   |   |   |
| Cơ cấu phanh: (trục 1, trục 2,…) |   | Kiểu dẫn động phanh chính: |   |
| Loại phanh đỗ: |   | Loại phanh bổ trợ: |   |
| **Thông tin các trục** |
| **Kiểu treo** | **Kiểu giảm chấn** | **Số lốp** | **Cỡ lốp** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Thiết bị đặc trưng:**

(Mô tả thiết bị đặc trưng nếu có)

|  |
| --- |
| *Nơi dán bản chà số khung (5)* |
| *Nơi dán bản chà số động cơ* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đăng kiểm viên***(ký, ghi rõ họ tên)* | *……….., ngày … tháng … năm …***Đại diện cơ sở đăng kiểm***(ký tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn cách ghi:***

*(1) Số quản lý: là số của hồ sơ phương tiện cũng là số quản lý phương tiện của cơ sở đăng kiểm. Số quản lý Hồ sơ phương tiện cấp từ ngày Thông tư này có hiệu lực được lấy tiếp theo số quản lý Hồ sơ phương tiện đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực.*

*1. Nguyên tắc cấp số quản lý hồ sơ phương tiện*

*a) Mỗi xe cơ giới được cấp một “Số quản lý hồ sơ phương tiện” duy nhất và không thay đổi trong suốt quá trình sử dụng;*

*b) Số quản lý hồ sơ phương tiện cấp theo nguyên tắc: mã số cơ sở đăng kiểm, số thứ tự xe lập phiếu hồ sơ phương tiện khi cơ sở đăng kiểm thực hiện cấp miễn kiểm định lần đầu hoặc kiểm định lần đầu;*

*c) Không sử dụng Số quản lý hồ sơ phương tiện của xe hết niên hạn cấp cho xe khác.*

*2. Cấu trúc của số quản lý hồ sơ phương tiện gồm 03 phần, trong đó:*

*- Phần 1: mã số cơ sở đăng kiểm;*

*- Phần 2: ký tự ngăn cách “-”;*

*- Phần 3: gồm 06 ký tự bằng số thể hiện thứ tự của các xe cơ giới được cấp số quản lý hồ sơ phương tiện.*

*Ví dụ: 2903V-123456; 29050-012345*

*(2) Mã số VIN: ghi 8 ký tự đầu của số VIN đối với xe cơ giới có số VIN 17 ký tự theo tiêu chuẩn EEC; trường hợp số VIN không theo tiêu chuẩn EEC thì nhập toàn bộ các ký tự.*

*(3) Vị trí đóng số động cơ, số khung: mô tả vị trí để xác định số trên thân động cơ, trên khung quy ước theo chiều tiến của xe.*

*Ví dụ: phía sau - bên phải; phía trước - bên trái, khung xe bên phải - phía trước mõ nhíp trước.*

*(4) Loại xe hybrid: chọn nếu xe thực tế là loại xe hybrid.*

*(5) Bản chà số động cơ, số khung: được chà trực tiếp. Đăng kiểm viên dán, ký giáp lai vào bản chà trên Phiếu lập Hồ sơ phương tiện. Trường hợp xe cơ giới không có số khung, chỉ có số VIN gắn trên tem hoặc ê tơ két của xe thì chụp ảnh số VIN, đảm bảo rõ nét và đầy đủ các ký tự, dán vào Phiếu lập Hồ sơ phương tiện.*

**TÀI LIỆU KÈM THEO KHI LẬP HỒ SƠ PHƯƠNG TIỆN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tài liệu** | **Số hiệu** | **Ghi chú** |
| *1* | *Bản sao Chứng nhận đăng ký xe* |   |   |
| *2* | *Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng**Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới sản xuất lắp ráp* |   |   |
| *3* | *Bản in điện tử Giấy chứng nhận (thông báo miễn kiểm tra) chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu* |   |   |
| *4* | *Bản chính Giấy chứng nhận cải tạo* |   |   |
| *5* | *Bản in các ảnh tổng thể xe cơ giới* |   |   |
| *6* | *Tài liệu khác* |   |   |

**BẢNG CẬP NHẬT CÁC THAY ĐỔI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT(1)** | **Ngày(2)** | **Tài liệu** | **Người cập nhật(5)** | **Ký xác nhận(6)** | **Ghi chú** |
| **Tên(3)** | **Số hiệu(4)** |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Số thứ tự tài liệu thay đổi;*

*(2) Ngày bổ sung tài liệu;*

*(3) Ghi các loại tài liệu có thay đổi như: chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận cải tạo, giấy tờ khác;*

*(4) Ghi số hiệu của loại tài liệu tương ứng của mục (3);*

*(5) Người thực hiện cập nhật tài liệu;*

*(6) Chữ ký của người thực hiện cập nhật tài liệu tương ứng với mục (5);*